

Bản án số: 145/2021/DS-ST

Ngày: 02/6/2021

V/v Tranh chấp liên quan đến yêu cầu

Tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc

2. Bà Lê Thị Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 502/2020/DSST ngày 07/10/2020 về việc “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2939/2021/QĐXXST-DS ngày 17/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1958.

Địa chỉ: 88/6A Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T6, sinh năm 1984 (theo Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020).

Địa chỉ: 18/1A Đường X, Phường Y, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số X đường P, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Bị đơn: Ông Thái Thanh H5, sinh năm 1976 và ông Huỳnh Ngọc S, sinh năm 1970 (Theo Giấy ủy quyền số 75/GUQ-CC1 ngày 18/3/2021).

Địa chỉ: Số X đường P, Phường B, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Đ5, sinh năm 1957;

2. Bà Trần Thị Thanh T3, sinh năm 1977;

3. Bà Trần Thị Thu TG, sinh năm 1980;

4. Bà Trần Thị Thu TH, sinh năm 1985;

5. Bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1988;

6. Bà Trần Thị Thanh H1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: 480/89/12/ B, Phường HT, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1947;

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn T, huyện T, tỉnh An Giang;

8. Bà Nguyễn Thị Kim H8, sinh năm 1961;

9. Ông Trần Ngọc L, sinh năm 1978;

10. Bà Trần Ngọc H2, sinh năm 1981;
11. Bà Trần Thúy A, sinh năm 1986;
12. Ông Trần Mạnh T2, sinh năm 1989;
13. Bà Trần Thùy T6, sinh năm 1990;
14. Ông Trần Ngọc Đ6, sinh năm 1994;
15. Ông Trần Ngọc K1, sinh năm 1996.

Cùng địa chỉ: Số 362 ấp 2, xã T, huyện C, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà gồm: Đ5, T3, TG, TH, T2, H1, Đ, H8, L, H2, A, T6, Đ6 là ông Nguyễn Trí T6, sinh năm 1984 – Đại diện theo ủy quyền (Theo các Giấy ủy quyền ngày 16/11/2020, 20/11/2020, 21/11/2020, 24/11/2020).

Địa chỉ: 18/1A Đường X, Phường Y, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện Nguyên đơn, đại diện Bị đơn, đại diện những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt; ông Trần Mạnh T2 và ông Trần Ngọc K1 có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại tòa, ông Nguyễn Trí T6 là Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn M8 (sinh năm 1927, chết năm 1968) và bà Phạm Thị N7 (sinh năm 1924, chết năm 2005) có 04 người con là ông Trần Văn Đ (sinh năm 1947); ông Trần Văn T5 (sinh năm 1952, chết năm 2019); ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và bà Trần Thị T (sinh năm 1958). Sau khi ông M8 và bà N7 chết, bà T cùng các anh có lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật công chứng số 024406, quyền số 09 TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O, Tp. Hồ Chí Minh đối với di sản thừa kế mà ông M8, bà N7 để lại là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1 tại số 886/27 Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Do lúc bấy giờ ông HA không có mặt tại địa phương, nhận thức pháp luật của anh em trong gia đình còn hạn chế. Để tiện cho việc làm giấy tờ đất, kê khai di sản thừa kế nên các anh em thống nhất không đưa ông HA vào diện những người được hưởng di sản thừa kế của ông M8, bà N7.

Tuy nhiên, do không đưa ông HA vào diện hưởng di sản thừa kế nên không làm được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả những người thừa kế đứng tên.

Vì vậy, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật do Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013.

Ngày 22/10/2020, Nguyên đơn có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật do Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 là vô hiệu.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả của văn bản công chứng vô hiệu và trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Đại diện Nguyên đơn xin bổ sung về quan hệ nhân thân và hàng thừa kế thứ nhất của ông M8 và bà N7 như sau:

Ông Trần Văn M8 (sinh năm 1927, chết năm 1968) và bà Phạm Thị N7 (sinh năm 1924, chết năm 2005) có 04 người con là ông Trần Văn Đ (sinh năm 1947); ông Trần

Văn T5 (sinh năm 1952, chết năm 2019); ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và bà Trần Thị T (sinh năm 1958).

Cha mẹ ông M8 và cha mẹ bà N7 đã chết trước khi ông M8, bà N7 chết.

Ông Ty chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ5 và các con chung là: Trần Thị Thanh T3, Trần Thị Thu TG, Trần Thị Thanh H2, Trần Thị Thu TH, Trần Thị Thanh H1.

Ông HA chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị Kim H8 và các con chung là Trần Ngọc L, Trần Ngọc H2, Trần Thúy A, Trần Mạnh T2, Trần Thủy T6, Trần Ngọc Đ6, Trần Ngọc K1.

** Tại các bản khai và trong quá trình tố tụng tại tòa Bị đơn là Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh có ông Thái Thanh H5 và ông Huỳnh Ngọc S là đại diện trình bày:*

Ngày 11/9/2013, Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh (Sau đây gọi là Bị đơn) có chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo pháp luật do ông Trần Văn M8 (chết năm 1968) và bà Phạm Thị N7 (chết năm 2005) để lại đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số: 41, tờ bản đồ số: 1, địa chỉ: 886/27 Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ hồ sơ lưu trữ, thành phần hồ sơ yêu cầu công chứng do người yêu cầu công chứng xuất trình gồm có:

1. Phiếu yêu cầu công chứng;
2. Bản sao giấy tờ tùy thân: Chứng minh nhân dân của ông/bà Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Thị T, Đặng Thị Mai Thúy;
3. Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 570298, số vào sổ cấp GCN: CH01850 do UBND Quận B, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012; Chứng nhận số nhà số 832/CN-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Quận B; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 24/1/2013; Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày: 24/1/2013;
4. Giấy tờ khác có liên quan: Bản sao giấy chứng tử của bà Phạm Thị N7; Tờ tường trình và cam kết ông Trần Văn M8 chết không có giấy chứng tử có chứng thực của UBND Phường X, Quận B; Bản sao sổ hộ khẩu và bản sao khai sinh của ông/bà Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Thị T; Công văn số 423/CC1 ngày 21/08/2013 của Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh về việc niêm yết thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; Công văn số 423/CV-CC1 ngày 21/08/2013 của Phòng Công chứng O về việc thực hiện niêm yết thông báo về việc thụ lý hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản tại trụ sở UNND Phường X, Quận B; Tờ tường trình về quan hệ nhân thân có chứng thực của UBND Phường X, Quận B; Đơn cam kết về quan hệ nhân thân có chứng thực của UBND Phường X, Quận B.

Căn cứ theo quy định về thừa kế và các quy định của pháp luật khác có liên quan, Công chứng viên Phòng Công chứng O là ông Thái Thanh H5 đã tiếp nhận hồ sơ và thực hiện việc chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo pháp luật số công chứng: 024406 ngày 11/9/2013 đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng thửa đất số: 41, tờ bản đồ số: 1, địa chỉ: 886/27 Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Bị đơn nhận thấy, việc chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo pháp luật nêu trên đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật và đúng ý chí, nguyện vọng của các bên. Ngoài ra, tại thời điểm chứng nhận, Bị đơn không

nhận được bất kỳ thông tin ngăn chặn việc bán nhà, chuyển nhượng hay khiếu nại, tố cáo đối với căn nhà và quyền sử dụng đất này. Do đó, Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Mạnh T2 trình bày:*

Ông nội ông là Trần Văn M8 (chết năm 1968) và bà nội là Phạm Thị N7 (chết năm 2005). Ông bà nội có 04 người con là: Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Văn HA và Trần Thị T.

Cha ông là ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và mẹ là bà Nguyễn Thị Kim H8 (sinh năm 1961). Cha mẹ có 07 người con gồm: Trần Ngọc L (sinh năm 1978), Trần Ngọc H2 (sinh năm 1981), Trần Thúy A (sinh năm 1986), Trần Mạnh T2 (sinh năm 1989), Trần Thủy T6 (sinh năm 1990), Trần Ngọc Đ6 (sinh năm 1994) và Trần Ngọc K1 (sinh năm 1996).

Căn nhà 886/27 Đường X, Phường Y, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh theo ông được biết thuộc quyền sở hữu của ông bà nội. Sau khi ông bà chết thì các cô chú là: Trần Văn Đ, Trần Văn T5 và Trần Văn T3 có đi kê khai và thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đối với căn nhà nêu trên. Tuy nhiên, việc kê khai này là không đúng quy định vì bỏ sót người thừa kế là cha ông là ông Trần Văn HA. Tuy nhiên, hiện nay ông HA đã chết nên ông là một trong những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông HA trong vụ án này.

Nay, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh thì ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Hiện nay ông đang phải chấp hành bản án của Tòa án nhân dân Quận B về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn 01 năm 06 tháng tù nên không có điều kiện tham gia tố tụng giải quyết vụ án dân sự nêu trên. Do vậy, ông xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, đối chất, xét xử Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của gia đình ông.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 04/3/2021, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Ngọc K1 trình bày:*

Ông nội ông là Trần Văn M8 (chết năm 1968) và bà nội là Phạm Thị N7 (chết năm 2005). Ông bà nội có 04 người con là: Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Văn HA và Trần Thị T.

Cha ông là ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và mẹ là bà Nguyễn Thị Kim H8 (sinh năm 1961). Cha mẹ có 07 người con gồm: Trần Ngọc L (sinh năm 1978), Trần Ngọc H2 (sinh năm 1981), Trần Thúy A (sinh năm 1986), Trần Mạnh T2 (sinh năm 1989), Trần Thủy T6 (sinh năm 1990), Trần Ngọc Đ6 (sinh năm 1994) và Trần Ngọc K1 (sinh năm 1996).

Là một trong những người thừa kế quyền, nghĩa vụ hợp pháp của ông HA, ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, ông đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy Phước Bình với thời hạn 18 tháng. Do đó, ông không có điều kiện tham gia quá trình giải quyết vụ án và xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải, đối chất, xét xử Ông hoàn toàn thống nhất với ý kiến của gia đình ông.

** Ông Nguyễn Trí T6 là Người đại diện hợp pháp của các ông bà Đ5, T3, TG, TH, T2, H1, Đ, H7, L, H2, A, T6, Đ6 trình bày:*

Các ông bà thống nhất với trình bày và yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại phiên tòa, ông T6 là đại diện của Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án xác nhận nguyên nhân dẫn đến Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật vô hiệu là do các đồng thừa kế của ông M8 bà N7 cố ý không đưa ông Trần Văn HA vào diện những người được hưởng di sản thừa kế, lỗi thuộc về những người này, Bị đơn đã làm hết trách nhiệm theo quy định, không có lỗi trong việc chứng nhận văn bản nêu trên nên không có yêu cầu Bị đơn bồi thường thiệt hại, trường hợp sau này có tranh chấp gì sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử chưa được bảo đảm theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét tính hợp pháp của nội dung Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật: Nhận thấy ông Trần Văn M8 và bà Phạm Thị N7 trước khi chết không để lại di chúc, do đó căn cứ điểm a khoản 1 Điều 675 và điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật dân sự năm 2005 thì những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật gồm có ông Trần Văn Đ, ông Trần Văn T5, ông Trần Văn HA, bà Trần Thị T. Việc không đưa ông Trần Văn HA là người được hưởng di sản thừa kế do ông M8 và bà N7 để lại là trái quy định pháp luật.

Xét về trình tự, thủ tục công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật: Theo quy định tại các Điều 35, 36, 49 Luật Công chứng 2006 thì Phòng Công chứng O Tp. Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng quy định.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Trần Thị T khởi kiện Bị đơn Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu. Do vậy xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh có địa chỉ trụ sở tại X đường P, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm m khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[1.3] Về xác định tư cách đương sự:

Ông Trần Văn M8 (sinh năm 1927, chết năm 1968) và bà Phạm Thị N7 (sinh năm 1924, chết năm 2005) có 04 người con là ông Trần Văn Đ (sinh năm 1947); ông Trần Văn T5 (sinh năm 1952, chết năm 2019); ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và bà Trần Thị T (sinh năm 1958).

Cha mẹ ông M8 và cha mẹ bà N7 đã chết trước khi ông M8, bà N7 chết.

Ông T5 chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ5 và các con chung là: Trần Thị Thanh T3, Trần Thị Thu TG, Trần Thị Thanh H2, Trần Thị Thu TH, Trần Thị Thanh H1.

Ông HA chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị Kim H8 và các con chung là Trần Ngọc L, Trần Ngọc H2, Trần Thúy A, Trần Mạnh T2, Trần Thủy T6, Trần Ngọc Đ6, Trần Ngọc K1.

Vì vậy, Tòa án đưa vợ và các con của ông T5, ông HA là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị T, bà Nguyễn Thị Đ5, bà Trần Thị Thanh T3, bà Trần Thị Thu TG, bà Trần Thị Thu TH, bà Trần Thị Thanh T2, bà Trần Thị Thanh H1, ông Trần Văn Đ, bà Nguyễn Thị Kim H8, ông Trần Ngọc L, bà Trần Ngọc H2, bà Trần Thúy A, bà Trần Thủy T6, ông Trần Ngọc Đ6 ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Nguyễn Trí T6; Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh ủy quyền cho ông Thái Thanh H5 và ông Huỳnh Ngọc S. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[1.4] Về việc giải quyết vắng mặt đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Mạnh T2 và ông Trần Ngọc K1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt ông T2, ông K1.

[2] Về pháp luật nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, xét thấy:

Theo đơn khởi kiện ban đầu, Nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn có đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật do Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 là vô hiệu.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả của văn bản công chứng vô hiệu và trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Xét thấy, việc sửa đổi yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn là đúng quy định nên chấp nhận.

Xét tính hợp pháp của Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về hình thức: Đây là giao dịch dân sự do các bên thỏa thuận, giao kết bằng văn bản được Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đã tuân theo quy định tại Điều 124 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Bị đơn, xét thấy người yêu cầu công chứng đã xuất trình bộ hồ sơ công chứng theo đúng quy định tại Điều 35 Luật Công chứng năm 2006 gồm: Phiếu yêu cầu công chứng; Bản sao giấy tờ tùy thân (Chứng minh nhân dân của ông/bà Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Thị T, Đặng Thị Mai Thúy); Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 570298, số vào sổ cấp GCN: CH01850 do UBND Quận B, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 28/12/2012; Chứng nhận số nhà số 832/CN-UBND ngày 20/12/2012 của UBND Quận B; Thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà, đất ngày 24/1/2013; Thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày: 24/1/2013); Giấy tờ khác có liên quan (Bản sao giấy chứng từ của bà Phạm Thị N7; Tờ tường trình và cam kết ông Trần Văn M8 chết không có giấy chứng từ có chứng thực của UBND Phường X, Quận B; Bản sao sổ hộ khẩu và bản sao khai sinh của ông/bà Trần Văn Đ, Trần Văn T5, Trần Thị T); Tờ tường trình về quan hệ nhân thân có chứng thực của UBND Phường X, Quận B; Đơn cam kết về quan hệ nhân thân có chứng thực của UBND Phường X, Quận B.

Sau khi nhận hồ sơ và phiếu yêu cầu công chứng, tại thời điểm chứng nhận, Bị đơn không nhận được bất kỳ thông tin ngăn chặn việc bán nhà, chuyển nhượng hay khiếu nại, tố cáo đối với căn nhà và quyền sử dụng đất này nên Bị đơn đã thực hiện việc chứng nhận Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo pháp luật là đúng với nguyện vọng, ý chí của các bên và đúng quy định tại Khoản 2 Điều 8, Điều 36, Điều 37, Điều 49 Luật Công chứng năm 2006.

Theo Công văn số 423/CC1 ngày 21/08/2013 của Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh về việc niêm yết thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; Công văn số 423/CV-CC1 ngày 21/08/2013 của Phòng Công chứng O về việc thực hiện niêm yết thông báo về việc thụ lý hồ sơ thỏa thuận phân chia di sản tại trụ sở UBND Phường X, Quận B; Xét thấy Bị đơn đã thực hiện thủ tục niêm yết trong thời hạn 15 ngày Văn bản thỏa thuận phân chia di sản theo pháp luật theo đúng quy định tại Điều 19 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

Về nội dung:

Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và sự xác nhận của các đương sự trong vụ án, xét thấy: Ông Trần Văn M8 (sinh năm 1927, chết năm 1968) và bà Phạm Thị N7 (sinh năm 1924, chết năm 2005). có 04 người con là ông Trần Văn Đ (sinh năm 1947); ông Trần Văn T5 (sinh năm 1952, chết năm 2019); ông Trần Văn HA (sinh năm 1954, chết năm 2019) và bà Trần Thị T (sinh năm 1958). Cha mẹ ông M8 và cha mẹ bà N7 đã chết trước khi ông M8, bà N7 chết. Sau khi chết, ông M8 bà N7 để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất số 41, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: 886/27 Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh. Ông M8 và bà N7 không để lại di chúc nên nên di sản của người chết được chia theo pháp luật. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 675, điểm a khoản 1 Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì 04 người con của ông M8, bà N7 là ông Đen, ông Ty, ông HA, bà T là những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật.

Theo đại diện Nguyên đơn trình bày “Do lúc bấy giờ ông HA không có mặt tại địa phương, nhận thức pháp luật của anh em trong gia đình còn hạn chế, để tiện cho việc làm giấy tờ đất, kê khai di sản thừa kế nên các anh em thống nhất không đưa ông HA vào diện những người được hưởng di sản thừa kế thứ nhất của ông M8, bà N7”.

Xét thấy việc thiếu tên ông HA trong Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật số công chứng 024406, quyển số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 tại Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh đối với di sản thừa kế mà ông M8, bà N7 để lại là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1 tại số 886/27 Đường X, Phường X, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh đã vi phạm quy định về pháp luật thừa kế nên căn cứ vào Điều 128 Bộ luật Dân sự năm 2005, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về tuyên bố Văn bản thỏa thuận nêu trên là vô hiệu do vi phạm điều cấm của pháp luật.

Khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006 quy định “Người yêu cầu công chứng phải có năng lực hành vi dân sự, xuất trình đủ các giấy tờ cần thiết liên quan đến việc công chứng và chịu trách nhiệm về tính chính xác, tính hợp pháp của các giấy tờ đó”.

Tại thời điểm công chứng, Người yêu cầu công chứng không khai thông tin ông Trần Văn HA là một trong những đồng thừa kế của ông Trần Văn M8 và bà Phạm Thị N7, nên trong trường hợp này Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh không có lỗi, không vi phạm gì trong khi chứng nhận Văn bản thỏa thuận nêu trên. Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định lỗi khiến Văn bản thỏa thuận vô hiệu thuộc về người yêu cầu công chứng.

Theo công văn số 708/CNBTH ngày 23/02/2021 của Văn phòng Đăng ký Đất đai Tp. Hồ Chí Minh – Chi nhánh Quận B trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 1 thì nhà đất số 886/27 Đường X (thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 1, bản đồ hành chính Phường X) do ông Trần Văn T5 - là người đại diện của những người được thừa kế quyền sử dụng đất của ông Trần Văn M8 và bà Phạm Thị N7 đứng tên sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BM 570298, số vào sổ CH01850 ngày 28/12/2012 do Ủy ban nhân dân Quận B cấp. Xét thấy, việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

Xét, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về hậu quả của văn bản công chứng vô hiệu và trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Nếu sau này phát sinh tranh chấp, các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng Nguyên đơn tự nguyện chịu.

[4] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 11 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm m khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 124; Điều 128; Điều 675; Điều 676 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 8; Điều 36; Điều 37; Điều 45; Điều 49 Luật Công chứng năm 2006;

- Điều 19 Nghị định số 04/2013/NĐ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Tuyên bố Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế theo pháp luật do Phòng Công chứng O - Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 024406, quyền số 09/TP/CC-SCC/HĐ ngày 11/9/2013 là vô hiệu.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyên đơn chịu án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn đã nộp án phí theo Biên lai số AA/2019/0029739 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- Chi cục THADS Q1;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Hiền

